

# Mấy vấn đề pháp chế trong Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay

Vũ Thu<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Pháp chế là góc nhìn về chấp hành pháp luật trong nhà nước pháp quyền, đời sống pháp luật của xã hội. Pháp chế giúp cho việc nhận thức đầy đủ hơn vấn đề pháp luật theo quan điểm pháp quyền. Bài viết làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp chế trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Từ khóa:** Pháp chế, Chấp hành pháp luật, Thượng tôn pháp luật, Nhà nước pháp quyền

**Abstract:** Legislation is a perspective on law enforcement in a rule-of-law state and the legal life of society. Legislation helps to more fully understand legal issues from the viewpoint of the rule of law. The article clarifies some theoretical and practical issues of legality in the socialist rule-of-law state of Vietnam.

**Keywords:** Legislation, Comply with the Law, Strictly Abide by the Law, Rule-of-Law State

Ngày nhận bài: 10/2/2025; Ngày duyệt đăng: 05/3/2025

## 1. Mở đầu

Pháp chế là hiện tượng hiện diện khách quan trong Nhà nước pháp quyền, đời sống pháp luật của xã hội Việt Nam. Như đã biết, Hiến pháp Việt Nam đã xác nhận Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCHN) của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân (Điều 2). Đặc trưng cốt lõi của nhà nước này được nhận thức chung, ít nhiều có tính ước lệ là “thượng tôn pháp luật”. Nhưng như đã thấy, trong Nhà nước ta, pháp chế không bị loại trừ hay thay thế. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam khi *định hướng phát triển đất*

*nước giai đoạn 2021-2030* đã xác định là phải tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn, trong đó, có quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Tuy vậy, trên các diễn đàn chính trị - pháp lý, nội dung thì vẫn hiện hữu, nhưng tần suất sử dụng khái niệm pháp chế thấp, thậm chí rất ít. Trong khi, trong Nhà nước pháp quyền, pháp chế vẫn phát huy vai trò theo cách khác nhau đối với Nhà nước và đối với xã hội, cùng véctơ với quan niệm về “thượng tôn pháp luật”.

Từ đó, nghiên cứu về pháp chế trong nhà nước pháp quyền là cần thiết. Nó là góc nhìn có thể đưa lại những lợi ích cho việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền và thực tiễn pháp lý đang diễn ra hiện nay ở Việt Nam.

(\*) PGS.TS., nguyên cán bộ Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: vuthu2006@yahoo.com.vn

## 2. Nhận thức chung về pháp chế trong nhà nước pháp quyền

Pháp chế là khái niệm hiện diện từ lâu trong lý luận và đời sống pháp luật ở Việt Nam. Điều 12 của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1992 đã thể hiện trực diện nội hàm của khái niệm này khi ghi nhận như sau: *“Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế XHCN. Các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật. Mọi hành động xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân đều bị xử lý theo pháp luật”*. Quy định này không còn ở bản Hiến pháp năm 2013, thay vào đó, Điều 8 quy định: *“1. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. 2. Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền”*. Khi vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam được đặt ra, được ghi nhận vào Hiến pháp<sup>1</sup> thì hầu hết người dân đều thể hiện sự hài lòng. Nhưng cũng từ đó, câu hỏi khái niệm pháp chế có còn hay không trong Nhà nước pháp quyền, hay bị để ngỏ, rất ít nhắc đến?

Pháp chế là khái niệm quen thuộc trong đời sống pháp lý của xã hội. Pháp

chế có thể được hiểu là chế độ hoạt động hợp pháp của các cơ quan nhà nước trong việc thông qua, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và trong việc chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh, chính xác, thống nhất, thường xuyên và bình đẳng của tất cả các cơ quan nhà nước, người có chức vụ, công dân và mọi tổ chức của họ. Có những góc nhìn đa dạng về pháp chế<sup>2</sup>, nhưng có thể thấy được trong đó những thuộc tính chung, cơ bản của nó là:

*Thứ nhất*, pháp chế là một chế độ chính trị - pháp lý về bảo đảm tính hợp pháp của hành vi con người trong đời sống của xã hội. Chế độ này bao gồm các yếu tố cấu thành, mối quan hệ giữa các yếu tố, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các chủ thể liên quan trong bộ máy nhà nước và xã hội,...

*Thứ hai*, phạm vi của đòi hỏi về tính hợp pháp của hành vi thực hiện pháp luật bao gồm cả lĩnh vực xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật. Ở đây, pháp luật quan hệ chặt chẽ với pháp chế. Tư tưởng cốt lõi của pháp chế là vấn đề *chấp hành (hay tuân thủ) pháp luật*. Pháp luật là cơ sở, tiền đề của pháp chế. Nhưng pháp luật này có được tính hợp pháp cũng là nhờ pháp chế.

*Thứ ba*, chủ thể thượng tôn pháp luật theo quan điểm pháp quyền hướng đến người hoạt động liên quan đến quyền lực trong bộ máy nhà nước. Còn chủ thể chấp hành pháp luật theo quan điểm pháp chế rộng hơn, gồm những người làm việc trong bộ máy nhà nước và cả các cá nhân, tổ chức trong xã hội. Các chủ thể này đều

<sup>1</sup> ở Điều 2 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi), Điều 2 Hiến pháp năm 2013.

<sup>2</sup> Có thể thấy ở một số nghiên cứu như: Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, 1995: 164-181; Khoa Luật, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1994: 354-37; Trường Đại học Luật Hà Nội, 1994: 505-520;...

bình đẳng trước pháp luật, có nghĩa vụ chấp hành pháp luật như nhau trong nhà nước pháp quyền.

*Thứ tư*, pháp chế có được bởi các hành vi hợp pháp dưới các hình thức thực hiện pháp luật khác nhau. Đó là: tuân thủ pháp luật, thi hành (chấp hành) pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. Tuân thủ pháp luật là chủ thể kiềm chế, không thực hiện hành vi bị pháp luật cấm (hành vi thụ động); thi hành hay chấp hành pháp luật được hiểu là chủ thể bằng hành vi chủ động thực hiện nhiệm vụ pháp luật<sup>1</sup>; sử dụng pháp luật là chủ thể thực hiện các quyền, lợi ích được pháp luật cho phép; áp dụng pháp luật là cơ quan nhà nước, người có chức vụ trong các trường hợp, quan hệ pháp luật cụ thể căn cứ vào quy định ra quyết định, thực hiện hành vi tương ứng (Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, 1994: 454-456; Nguyễn Minh Đoan, 2009: 15-18). Nguyên tắc pháp chế đòi hỏi trách nhiệm các hành vi hợp pháp “ngghiêm chỉnh, chính xác, thống nhất, thường xuyên và bình đẳng”.

Pháp chế là hiện tượng pháp lý đặc biệt quan trọng của đời sống xã hội. Nó giúp cho việc bảo đảm trật tự pháp luật cho sự vận động, phát triển trên mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... của xã hội. Trật tự pháp luật là hệ thống các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh, trong đó xử sự của các chủ thể là hợp pháp (Khoa Luật, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1994: 361). Thuật ngữ này đã phản ánh mối quan hệ nhân quả giữa trật tự pháp luật với pháp chế: trật tự pháp luật là kết quả của pháp chế. Đến nay, khoa học pháp lý thừa nhận chung các nguyên tắc cơ bản của pháp chế gồm: tính thống nhất chấp hành; tính chất

chấp hành chung, bình đẳng, không có ngoại lệ đối với mọi cá nhân, tổ chức; tính tối cao của hiến pháp; pháp chế gắn chặt với thực tiễn đời sống xã hội; bảo đảm và bảo vệ các quyền và tự do của công dân. Ở đây, tính chính trị - pháp lý của pháp chế thể hiện trong quan hệ của nó với vấn đề dân chủ. Một chế độ dân chủ thực sự phải được pháp chế bảo đảm, ngược lại pháp chế chỉ có trong nền dân chủ thực sự.

Trở lại quy định về Nhà nước pháp quyền trong Hiến pháp năm 2013. Nhà nước pháp quyền xét về lịch sử là lý luận hình thành, đề xuất nhằm đối lập với các nhà nước chuyên chế, độc tài. Trong các nhà nước này, quyền con người bị chi phối, áp chế bởi quyền lực, trạng thái vô pháp luật. Còn nhà nước pháp quyền là nhà nước trong đó quan hệ qua lại giữa nhà nước và cá nhân, công dân là quan hệ bình đẳng qua lại về quyền và nghĩa vụ. Trong quan niệm về nhà nước pháp quyền, có ba yếu tố lớn là quyền con người, quyền lực và pháp luật, trong đó quyền lực phải được thể hiện ra pháp luật và pháp luật kiểm soát được quyền lực trong mối quan hệ với quyền con người. Khi nói về nhà nước pháp quyền, thường đặc trưng cơ bản, nổi bật được nói đến là “thượng tôn pháp luật”. Đây có thể là lý do để có suy nghĩ rằng “thượng tôn pháp luật” đã thay thế “pháp chế”. Cần thấy rằng, đều là có quan hệ với quyền con người, quyền công dân, nhưng giữa pháp chế và thượng tôn pháp luật trong nhà nước pháp quyền vẫn có những điểm phân biệt. Thượng tôn pháp luật trong nhà nước pháp quyền được hướng đến Nhà nước, với đòi hỏi quyền lực nhà nước phải thể hiện ra bằng pháp luật, mặt khác, được kiểm soát, giới hạn bởi pháp luật. Còn pháp chế lại chỉ đặt vấn đề về chấp hành pháp luật, bảo đảm trật

<sup>1</sup> Ở đây, hành vi chấp hành pháp luật khác với đòi hỏi về “chấp hành pháp luật” trong khái niệm pháp chế.

tự, kỷ cương xã hội, nó không chỉ hướng đến Nhà nước mà hướng đến mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội. Pháp chế ở nghĩa và phạm vi nhất định có thể xem là sự thể hiện sinh động, là công cụ thực hiện “thượng tôn pháp luật” của nhà nước pháp quyền, chúng thống nhất, không xung đột.

Nếu xem xét Hiến pháp năm 2013, và nói chung cả hệ thống pháp luật hiện nay, có thể thấy tuy không có quy định riêng về pháp chế, nhưng nội dung, yêu cầu về *chấp hành pháp luật* của nguyên tắc pháp chế thể hiện ở các quy định khác nhau đối với mọi chủ thể trong xã hội. Để có được trạng thái tốt, pháp chế chịu tác động tích cực của nhiều yếu tố chủ quan, khách quan khác nhau: sự phát triển về dân chủ, nhận thức và năng lực lãnh đạo, quản lý về pháp chế, ý thức pháp luật trong xã hội, sự phát triển của kinh tế thị trường, khoa học và công nghệ, tình trạng tham nhũng...

*Tóm lại*, thượng tôn pháp luật theo quan niệm nhà nước pháp quyền là đòi hỏi hướng đến Nhà nước, nhân viên các cơ quan nhà nước, qua đó gián tiếp tác động đến việc chấp hành pháp luật của cả đời sống xã hội. Còn pháp chế là đòi hỏi chấp hành pháp luật đối với cả bộ máy nhà nước và xã hội. Trong nhà nước pháp quyền, pháp chế không mâu thuẫn với thượng tôn pháp luật, mẫu số chung của chúng là đều hướng đến bảo đảm chấp hành pháp luật trong đời sống nhà nước và đời sống xã hội. Việc sử dụng các khái niệm đó như thế nào tùy trường hợp cụ thể.

### **3. Một số vấn đề về tăng cường pháp chế trong nhà nước pháp quyền**

Pháp chế là phương tiện cần thiết bảo đảm hoạt động bình thường của đời sống nhà nước và đời sống xã hội. Những năm qua, các kết quả hoạt động và sự phát triển nói chung trên các mặt của đời sống xã hội

Việt Nam được xác định trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước cho thấy nhất định là có sự hiện diện khá tốt của pháp chế. Tuy nhiên, không khó để nhận ra rằng, pháp chế trong Nhà nước pháp quyền Việt Nam vẫn còn một số vấn đề đặt ra. Theo *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Đảng đã đánh giá một cách tập trung, căn bản những hạn chế của pháp chế trong Nhà nước pháp quyền như sau: “*Hệ thống pháp luật còn một số quy định chưa thống nhất, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn. Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương, phép nước có nơi còn bị xem nhẹ, xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước...*”. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, có thể thấy vi phạm pháp luật và xử lý vi phạm là “chuyện thường ngày”, có những vụ việc rất nghiêm trọng liên quan đến tham nhũng, sản xuất kinh doanh, môi trường, trật tự an toàn giao thông, hôn nhân gia đình,... Số liệu thống kê cuối năm 2023 cho thấy, kiểm tra gần 70.000 công trình tại Hà Nội, có tới gần 10.000 công trình xây không phép, sai phép (Võ Hải, 2023). Gần đây nhất, liên quan đến việc thực hiện Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ *Quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe* cũng nảy sinh đánh giá khác nhau về phương diện pháp chế trong việc ban hành và thực hiện Nghị định. Chỉ trong hơn một tháng thực hiện nghị định này, đã có 327.000 trường hợp vi phạm bị phạt (Gia Chính, 2025) là con số rất đáng suy nghĩ về pháp chế...

Củng cố, tăng cường pháp chế luôn là vấn đề lớn đặt ra trong Nhà nước pháp quyền. Điều đó được thể hiện tập trung và rõ rệt trong quan điểm và các quy định cụ thể trong Nghị quyết số 27/NQ/TW ngày 09/11/2022 của Đảng về *tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới*. Cần thấy rằng, trong đời sống xã hội, có rất nhiều yếu tố khác nhau luôn là các nguyên nhân, điều kiện làm suy giảm, đe dọa phá vỡ pháp chế. Tăng cường pháp chế đòi hỏi có các giải pháp cần thiết, hợp lý, có tính đồng bộ, được sự đồng thuận xã hội cao theo quan điểm của nền quản trị. Trong bài viết này, xin nêu một số vấn đề nổi lên cần xem xét, xử lý nhằm củng cố, tăng cường pháp chế hiện nay.

*Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật.* Hệ thống pháp luật có thể nhìn từ góc độ về hiệu quả về kinh tế, chính trị, xã hội..., nhưng cũng có thể xem xét nó từ góc độ hiệu quả về pháp chế trong tư cách là cơ sở, tiền đề của pháp chế. Mới đây, ngày 19/02/2025, Quốc hội thông qua *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi)*, tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đồng thời góp phần tăng cường pháp chế.

Hệ thống pháp luật có những vấn đề cần được cải thiện. Nâng cao chất lượng pháp luật là vấn đề lớn đặt ra cho hệ thống pháp luật. Pháp luật phù hợp với thực tế, thống nhất, đồng bộ, thứ bậc hợp pháp... sẽ là sự thuyết phục có tính quyết định đối với việc chấp hành pháp luật. Trong đó, rất quan trọng là mọi quy định pháp luật phải tính được điều kiện và khả năng thực hiện được trong thực tế, biết lắng nghe, tìm kiếm nhận xét, đánh giá ý kiến nhiều chiều, khác nhau. Vấn đề khác, bảo đảm tính ổn định của pháp luật là vấn đề được Nghị quyết số

27-NQ/TW về *tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới* đặt ra. Tuy nhiên, nó chưa được chú ý nhiều về phương diện pháp chế. Thực tế là do chất lượng, nhiều luật, văn bản dưới luật phải sửa đổi, bổ sung. Thói quen thực hiện là cách thức tốt nhất bảo đảm pháp chế. Sự thay đổi thường xuyên của pháp luật trên thực tế đã làm giảm yếu tố tạo nên pháp chế này.

*Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* vừa được Quốc hội thông qua có điểm đáng chú ý là Quốc hội sẽ tập trung vào các vấn đề lớn liên quan đến quyền con người, vấn đề có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội..., trao cho Chính phủ quy định cụ thể hóa luật theo định hướng, nguyên tắc đã được xác định trong trường hợp cần thiết. Liên quan đến điều này, cần có sự phân biệt giữa quyền lập pháp của Quốc hội với quyền hành pháp của Chính phủ. Trong các văn bản quy phạm pháp luật được Chính phủ ban hành, có những văn bản hoặc quy định thuộc thẩm quyền của cơ quan lập pháp, đặc biệt là những quan hệ xã hội cơ bản. Nếu Chính phủ ban hành các văn bản hoặc có quy định như vậy thì phải quan niệm nó là sự ủy quyền lập pháp của Quốc hội để từ đó có sự kiểm soát đặc biệt - sự kiểm soát chặt hơn so với các văn bản pháp luật khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Việc Quốc hội kiểm soát văn bản pháp luật nói chung của Chính phủ đã được Hiến pháp quy định. Nhìn chung, Quốc hội cần chủ động hơn trong việc hình thành một cơ chế kiểm soát đối với văn bản pháp luật được ban hành bởi các cơ quan nhà nước. Trong đó, đề cao vai trò của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội (phân biệt với kiểm soát văn bản pháp luật của Bộ Tư pháp). Bên cạnh đó, để kiểm soát tính hợp

hiến của các văn bản pháp luật do Quốc hội, Chính phủ ban hành, cần xem xét một cách nghiêm túc và thực tế việc tổ chức ra cơ quan bảo hiến theo Điều 119 của Hiến pháp hiện hành.

*Thứ hai, tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật.* Chấp hành pháp luật hay là trạng thái pháp chế tỷ lệ thuận với ý thức, văn hóa pháp luật của cá nhân, tổ chức trong xã hội. Từ đó, hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật là rất quan trọng và phải được đặt ở vị trí hàng đầu trong chấp hành pháp luật. Năm 2012, Quốc hội đã ban hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong phổ biến, giáo dục pháp luật hiện nay, trước hết cần hết sức chú ý đến luận điểm của Lenin về chấp hành pháp luật, rằng dù thể nào thì cũng phải thuyết phục rồi mới cưỡng chế. Điều đó có nghĩa là hạn chế tối đa việc đòi hỏi xã hội phải chấp hành pháp luật bằng cưỡng chế. Cưỡng chế chỉ là biện pháp cuối cùng được áp dụng khi các biện pháp tác động khác như giáo dục, tổ chức... thực hiện mà không đưa lại kết quả. Cần nhấn mạnh, không nên đồng nhất cưỡng chế với quyền lực và đặc trưng của pháp luật. Quyền lực nhà nước có thể được thực hiện bằng thuyết phục, cưỡng chế và các cách thức khác. Quyền lực tốt nhất là quyền lực mềm. Pháp luật vốn có tính bắt buộc, nhưng bắt buộc thực hiện không phải là cưỡng chế.

Tiếp nữa, cần đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo chiều sâu, chất lượng, khắc phục tính hình thức trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật vẫn tồn tại ở một số nơi. Trong phổ biến, giáo dục pháp luật, cách tính thành tích bằng số lượt người tham dự, số lần, số ấn phẩm, chi phí tài chính... về “lượng” là cần thiết. Nhưng quan trọng hơn là cách thức phổ biến, giáo dục pháp luật để đạt được mục tiêu về “chất”. Muốn vậy, phải thực hiện

phổ biến, giáo dục pháp luật một cách nghiêm túc, có phương pháp, bài bản, tổ chức khoa học và đặc biệt là quan tâm đến hiệu quả thể hiện trong nhận thức, hành vi pháp luật của cá nhân trong xã hội.

Từ pháp luật đến hành vi pháp luật hợp pháp là một quá trình nhận thức, hình thành ý thức pháp luật phức tạp. Quy định pháp luật, đặc biệt là những quy định phức tạp, tác động mạnh đến lợi ích của người liên quan thường còn phải tiến hành các hoạt động tập huấn, phổ biến, giáo dục pháp luật. Do vậy, hiệu lực thi hành văn bản pháp luật được ban hành nhất định phải tính đến thời hiệu thi hành hợp lý, có được sự đồng thuận xã hội cao nhất.

*Thứ ba, về bảo vệ pháp luật.* Bảo đảm pháp chế cần có những biện pháp phòng và chống vi phạm pháp luật khác nhau. Trong đó, điều luôn được xã hội quan tâm là việc sử dụng chế tài pháp luật như thế nào đối với người vi phạm pháp luật. Chế tài pháp luật là hậu quả, kết cục hay sự đánh giá cuối cùng thể hiện sự lên án của nhà nước đối với người vi phạm pháp luật. Các chế tài hình sự, hành chính thể hiện trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trước nhà nước có được sự quan tâm nhiều nhất và luôn có ý kiến khác nhau nhiều nhất.

Mục đích chủ yếu của các chế tài hình sự, hành chính là giáo dục và xử phạt đối với người vi phạm. Điều quan trọng đối với quy định cũng như áp dụng chế tài pháp luật được khoa học pháp lý xác nhận là bảo đảm nguyên tắc ngang bằng hay tương xứng giữa chế tài và vi phạm pháp luật. Trong nguyên tắc này, cần xem xét, đánh giá nhiều yếu tố quan trọng khác nhau như: tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của vi phạm, trình độ nhận thức, thu nhập tài chính của người vi phạm, yêu cầu phòng, chống đối với loại vi phạm pháp luật nhất định, tình hình pháp

chế, quy định tương tự ở các nước... Trong xã hội ngày nay, các biện pháp chế tài được quy định phải có tính nhân văn, nhân đạo, công lý. Thực tiễn ở Việt Nam cũng cho thấy, vấn đề cần được quan tâm là năng lực áp dụng chế tài của người có vị trí. Đối với tòa án, việc áp dụng chế tài hình sự của Tòa án là các Thẩm phán được đào tạo công phu, bài bản thực hiện, vậy mà báo cáo hằng năm của ngành tòa án cho thấy vẫn còn những bản án, quyết định có sai sót. Trong khi đó, cán bộ, công chức áp dụng các chế tài hành chính lại không được đào tạo chuyên sâu về công việc này. Đây là một vấn đề cần tính đến. Bên cạnh đó là các khả năng áp dụng pháp luật trong bối cảnh tình trạng tham nhũng từng bước được kiềm chế, ngăn chặn và có chiều hướng giảm, nhưng theo *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*: “ở một số địa phương, bộ, ngành chưa có chuyên viên rõ rệt; công tác phòng ngừa tham nhũng ở một số nơi còn hình thức”.

*Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng* khi đánh giá về hệ thống pháp luật trong Nhà nước pháp quyền XHCN đã có nhận định: “chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe”. Nhưng khi Chính phủ ban hành Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 *Quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe* trong đó quy định mức phạt cao, thì xã hội lại có những đánh giá khác nhau, thậm chí trái ngược nhau về vấn đề này. Khi xã hội không có sự đồng thuận cao về mức phạt hành chính thì cần xem xét, nếu cần thì sửa đổi với sự cân nhắc khoa học các yếu tố nêu trên. Ở đây, cần

khẳng định chế tài phạt thấp không thể tăng cường, củng cố pháp chế, không phù hợp với tinh thần thượng tôn pháp luật trong Nhà nước pháp quyền. Còn nếu chế tài phạt nặng có thể nhất thời tạo lập được trật tự pháp luật, nhưng có thể sẽ là không bền vững, gây suy nghĩ, tâm lý tiêu cực, quan niệm không đúng về pháp luật trong Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Điều đáng chú ý là, nếu Nhà nước sử dụng cưỡng chế thái quá có thể dẫn đến hình thành trong xã hội triết lý rằng cưỡng chế có thể giải quyết, thực hiện được điều mong muốn. Trong vấn đề này, không thể có nguyên tắc phạt càng nặng thì trật tự pháp luật càng tốt, thực tế cho thấy không hiếm các trường hợp người phạm tội đã qua cải tạo rồi vẫn tiếp tục phạm tội. Để bảo đảm pháp chế, cùng với chế tài pháp luật phải sử dụng đồng bộ các biện pháp khác như giáo dục, tổ chức...

Hiện nay, cũng về vấn đề bảo vệ pháp luật nhằm tăng cường pháp chế, vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án nhân dân là hết sức quan trọng. Xét xử bởi tòa án là cách thức cao nhất bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Đối với Việt Nam, tổ chức tòa án cần phải đặc biệt chú ý đến năng lực xét xử các vụ việc hành chính, trong đó có phạt hành chính và tạo khả năng cho việc khiếu kiện thuận lợi. Về phương diện tổ chức quyền lực nhà nước, xét xử vụ việc hành chính thể hiện sự kiểm soát của tư pháp đối với hành pháp trong kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung (Montesquieu, 1996: 100-106; Jean - Jacques Rousseau, 2004: 219-219). Trong kiểm soát quyền lực nhà nước theo tinh thần pháp chế, thượng tôn pháp luật, như đã nói ở trên, cần thiết lập cơ quan, cơ chế bảo hiến theo Điều 119 của Hiến pháp Việt Nam năm 2013. Đối với tòa án, vấn đề

hiện nay là xem xét toàn diện, kiến tạo và hiện thực hóa được nguyên tắc hiến định: “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”.

*Thứ tư, môi trường pháp luật* chủ yếu nói về trật tự pháp luật, văn hóa pháp luật, thực tế xã hội về bình đẳng trước pháp luật, công lý, hiệu quả của pháp luật, thói quen chấp hành pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ với các yếu tố chính trị, đạo đức, kinh tế, khoa học và công nghệ liên quan... Trong đó, tâm thế, dư luận xã hội về pháp luật đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Sự tương tác ở đây là môi trường pháp luật được tạo lập bởi pháp chế; ngược lại, pháp chế chỉ phát huy tác dụng tốt nếu có được môi trường pháp luật tốt. Chẳng hạn, không thể giáo dục pháp luật để bảo đảm tốt pháp chế khi môi trường pháp luật không trật tự, lộn xộn, bất bình đẳng... xung đột với những điều được tuyên truyền, giáo dục.

Môi trường pháp luật là hiện tượng phức tạp, đòi hỏi phải được xử lý thông minh, khoa học để tạo lập, củng cố, tăng cường pháp chế. Để dẫn dắt việc tăng cường pháp chế thì điều cơ bản cần làm là cán bộ, công chức phải có khả năng nêu gương, dẫn dắt, đó là mức độ thượng tôn pháp luật của bộ máy nhà nước, hệ thống chính trị. Pháp chế như thế nào có thể nhìn nhận từ phương diện này.

Cuối cùng là vấn đề *nghiên cứu về pháp chế*. Trong Nhà nước pháp quyền, bên cạnh việc nghiên cứu vấn đề thượng tôn pháp luật, cũng cần nghiên cứu cả vấn đề pháp chế. Tuy có những điểm trùng nhau, nhưng góc nhìn về vấn đề pháp luật và thực hiện pháp luật, như đã trình bày, có những khác biệt nhất định. Lâu nay, chúng ta thiếu việc nghiên cứu toàn diện và chuyên sâu vấn đề này trong Nhà nước pháp quyền. Vì vậy, việc nhận diện hướng đi, xác định biện

pháp tăng cường, củng cố pháp chế trong việc ban hành pháp luật và thực hiện pháp luật còn chưa mạch lạc và hiệu quả.

#### 4. Kết luận

Trên đây đã trình bày một số vấn đề lý luận và thực tế về pháp chế trong Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay. “Pháp chế” và “thượng tôn pháp luật” là những khái niệm có sắc thái nội hàm trùng nhau và khác nhau có thể sử dụng để xem xét hoặc thay thế nhau cho cùng một hiện tượng pháp luật cụ thể. Từ yêu cầu về thực thi pháp luật, mỗi khái niệm có vai trò, tác dụng theo cách của mình đối với đời sống nhà nước và đời sống xã hội. Bài viết này chỉ xin nêu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp chế trong Nhà nước pháp quyền nước ta có tính chất tham khảo □

#### Tài liệu tham khảo

1. “Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, Hệ thống tư liệu - văn kiện Đảng, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam* ngày 23/3/2021, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-3734>
2. Chính phủ (2024), Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 *Quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Nghi-dinh-168-2024-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-an-toan-giao-thong-duong-bo-619502.aspx>

3. Gia Chính (2025), “327.000 trường hợp bị phạt trong tháng đầu thực hiện Nghị định 168”, *VnExpress* ngày 6/2/2025, <https://vnexpress.net/327-000-truong-hop-bi-phat-trong-thang-dau-thuc-hien-nghi-dinh-168-4846357.html>
4. Nguyễn Minh Đoan (2009), *Thực hiện và áp dụng pháp luật ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Võ Hải (2023), “Gần 10.000 công trình xây không phép và sai phép ở Hà Nội, Việt Nam”, *VnExpress* ngày 17/12/2023, <https://vnexpress.net/gan-10-000-cong-trinh-xay-khong-phep-va-sai-phep-o-ha-noi-4689868.html>
6. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*.
7. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.
8. Jean - Jacques Rousseau (2004), *Bàn về kế ước xã hội*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
9. Khoa Luật, Đại học Tổng hợp Hà Nội (1994), *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
10. Montesquieu (1996), *Tinh thần pháp luật*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Trường Đại học Luật Hà Nội (1994), *Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
12. Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1995), *Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

(tiếp theo trang 45)

15. Rong, Su & Liu, Kai & Huang, Si & Zhang, Qi. (2020), “FDI, labor market flexibility and employment in China”, *China Economic Review*, Volume 61, June 2020.
16. Thevenon, Olivier & Solaz, Anne (2014), *Parental leave and labour market outcomes: Lessons from 40 years of policies in OECD countries*, [https://archined.ined.fr/download/publication/AWRH4\\_Jdgpz-89Adag43x/fecb87f4f2dd9f920443adae18316db21548837052793.pdf](https://archined.ined.fr/download/publication/AWRH4_Jdgpz-89Adag43x/fecb87f4f2dd9f920443adae18316db21548837052793.pdf)
17. UNDP (United Nations Development Programme) (2024), *Human Development Report 2023-24: Breaking the gridlock: Reimagining cooperation in a polarized world*, New York.
18. Windwehr, J., A. Duvander, A. Ellingsaeter, G. B. Eydal, Z. Humer and H. Nakazato (2021), “The Nordic model of father quotas in leave policies: A case of policy transfer?”, *Social Politics*, Summer: pp. 1-21, <https://doi.org/10.1093/sp/jxaa041/>
19. World Economic Forum (2016), *Is Sweden’s “daddy quota” closing the gender gap?*, <https://www.weforum.org/stories/2016/01/is-swedens-daddy-quota-closing-the-gender-gap/>
20. World Economic Forum (2006), *The Global Gender gap Report 2006*, [https://www3.weforum.org/docs/WEF\\_GenderGap\\_Report\\_2006.pdf](https://www3.weforum.org/docs/WEF_GenderGap_Report_2006.pdf)
21. World Economic Forum (2022), *Global Gender gap Report 2022*, <https://www.weforum.org/publications/global-gender-gap-report-2022/>
22. World Economic Forum (2023), *Global Gender gap Report 2023*, <https://www.weforum.org/publications/global-gender-gap-report-2023>
23. World Economic Forum (2024), *Global Gender gap Report 2024*, <https://www.weforum.org/publications/global-gender-gap-report-2024/>